**KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (GIỮA KÌ HOẶC CUỐI KÌ)**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

**Thời điểm kiểm tra:** K*ết thúc nội dung: Ngân Hà*

**Thời gian làm bài**: *90 phút*

**Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30 % tự luận).*

**Cấu trúc:**

- Mức độ nhận thức: *45% Nhận biết; 25% Thông hiểu; 20% Vận dụng, 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 7 điểm, *(Nhận biết: 18 câu; Thông hiểu: 10 câu) mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 3 điểm *(Vận dụng: 2 ; Vận dụng cao:1 ) mỗi câu 1 điểm*

**-**Nửa đầu học kì II**:** 25%; nửa sau học kì II**:** 75%

**I. KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số câu hỏi** | |
| Số câu hỏi TN | Số câu hỏi TL | Số câu hỏi TN | Số câu hỏi TL | Số câu hỏi TN | Số câu hỏi TL | Số câu hỏi TN | Số câu hỏi TL | TN | TL |
| **1** | **Đa dạng thế giới sống**  **( 23 tiết)** | **Sự đa dạng của nấm.**  **( 3 tiết)** | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2  0,5đ |  | **5%** |
| **Sự đa dạng của thực vật**  **( 7 tiết)** | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2  0,5đ |  | **5%** |
| **Đa dạng động vật**  **( 7 tiết)** | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2  0,5đ |  | **5%** |
| **Vai trò của đa dạng sinh học**  **Bảo vệ đa dạng sinh học**  **( 3 tiết)** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1  0,25đ |  | **2,5%** |
| **Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên**  **( 3 tiết)** |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3  0,75đ |  | **7,5%** |
| **2** | **Lực trong đời sống**  **( 14 tiết)** | **Lực và tác dụng của lực**  **( 2 tiết)** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1  0,25đ |  | **2,5%** |
| **Biểu diễn lực Biến dạng lò xo (4 tiết)** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1  0,25đ |  | **2,5%** |
| **Khối lượng và trọng lượng**  **(3 tiết)** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1  0,25đ |  | **2,5%** |
| **Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. Ma sát ( 5 tiết)** | 2 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 4  2,0đ | 1 | **20%** |
| **3** | **Năng lượng**  **( 10 tiết)** | **Khái niệm về năng lượng**  **Một số dạng năng**  **lượng**  **( 3 tiết)** | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4  2,0đ |  | **10%** |
| **Sự chuyển hoá năng lượng**  **( 2 tiết )** | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2  0,5đ |  | **5%** |
| **Năng lượng hao phí Năng lượng tái tạo**  **( 3 tiết)** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1  0,25đ |  | **2,5%** |
| **Tiết kiệm năng lượng**  **( 2 tiết)** |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1  1đ | **10%** |
| **4** | **Trái đất và bầu trời**  **( 6 tiết)** | **Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời**  **( 3 tiết)** | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 3  0,75đ |  | **7,5%** |
| **Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng – Hệ Mặt Trời Ngân Hà**  **( 3 tiết)** | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1  0,25đ | 1  1,0đ | **12,5%** |
| ***Tổng*** | | | **18** |  | **10** |  |  | **2** |  | **1** | **28** | **3** | **31** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **45%** | | **25%** | | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **70%** | **30%** | **100** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **Đa dạng thế giới sống** | **Sự đa dạng của nấm.**  **( 3 tiết)** | **Nhận biết**  **-** Nhận biết được một số đại diện nấm. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi,  - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. | 1  C1 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  - Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.  - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).  -Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  | | 1  C2 | |  | |  | |
| **Sự đa dạng của thực vật**  **( 7 tiết**) | **Nhận biết**  - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. | 1  C3 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  -Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).  - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). |  | | 1  C4 | |  | |  | |
| **Đa dạng động vật**  **( 7 tiết)** | - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. | 2  C5,6 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | |  | |  | |  | |
| **Vận dụng**  - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  | |  | |  | |  | |
| **Vai trò của đa dạng sinh học.**  **Bảo vệ đa dạng sinh học**  ( 3 tiết) | **Nhận biết**  – Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...). | 1  C7 | |  | |  | |  | |
| **Vận dụng**  – Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học |  | |  | |  | |  | |
| **Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên**  **( 3 tiết)** | **Nhận biết**  - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). |  | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.  Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.  Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  | | 3  C8,9,10 | |  | |  | |
| **Vận dụng**  Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).  Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  | |  | |  | |  | |
| **2** | **Lực trong đời sống**  **( 14 tiết)** | **Lực và tác dụng của lực**  **( 2 tiết)** | **Nhận biết**  - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật. | 1  C11 | |  | |  | |  | |
| **Biểu diễn lực. Biến dạng lò xo (4 tiết)** | **Nhận biết**  - Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo). | 1  C12 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy |  | |  | |  | |  | |
| **Vận dụng**  Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  | |  | |  | |  | |
| **Khối lượng và trọng lượng**  **(3 tiết)** | **Nhận biết**  - Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật). | 1  C13 | |  | |  | |  | |
| **Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. Ma sát ( 7 tiết**) | **Nhận biết**  - Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát.  - Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. | 2  C14,15 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  Hiểu được Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng. |  | | 2  C16,17 | |  | |  | |
| **Vận dụng**  Giải thích được chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước (hoặc không khí) trong thực tế |  | |  | | 1  C29 | |  | |
| **3** | **Năng lượng**  **(10 tiết)** | **Khái niệm về năng lượng**  **Một số dạng năng lượng**  **(3 tiết)** | **Nhận biết**  Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực  Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu | 2  C18,19 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  Phân loại được năng lượng theo tiêu chí. |  | | 2  C20,21 | |  | |  | |
| **Sự chuyển hoá năng lượng**  **( 2 tiết )** | **Nhận biết**  - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.  – Lấy ví dụ: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.  - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng.  - Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. | 2  C22,23 | |  | |  | |  | |
| **Năng lượng hao phí Năng lượng tái tạo**  **( 3 tiết)** | **Nhận biết**  Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng | 1  C24 | |  | |  | |  | |
| **Tiết kiệm năng lượng**  **( 2 tiết)** | **Vận dụng**  Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày |  | |  | | 1  C30 | |  | |
| 4 | ***Trái Đất và bầu trời***  ***( 6 tiết)*** | **Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời**  **( 3 tiết)** | **Nhận biết**  Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời. | 2  C25,26 | |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu**  Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. |  | | 1  C27 | |  | |  | |
| **Vận dụng cao**  Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày. |  | |  | |  | | 1  C31 | |
| **Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng – Hệ Mặt Trời Ngân Hà**  **( 3 tiết)** | **Nhận biết**  -Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.  Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. | 1  C28 | |  | |  | |  | |
| **Tổng câu** | | | | | **18** | | **10** | | **2** | | **1** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**…..  TRƯỜNG THCS…………  ***(Đề kiểm tra gồm có ….. trang)*** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN – LỚP 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề* | |
|  | | **Mã đề: ……….** |

**Họ, tên thí sinh:**.............................................

**Số báo danh:**..................................................

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** *(..... điểm)*

**Câu 1:** Loại nấm nào sau đây thuộc nấm túi :

A. Nấm men rượuB. Nấm sò C. Nấm hươngD. Nấm linh chi

**Câu 2:**Đặc điểm của người bị bệnh hắc lào là?

A. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa

B. Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, ngây ngứa

C. Xuất hiện những bọng nước lớn, không ngứa, không đau nhức

D. Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa

**Câu 3:**Thực vật hạt kín được chia thành hai nhóm

A. cây lá kim và cây hạt trần

B. có mạch và không mạch

C. rêu và hoa

D. dicots và monocots

**Câu 4:** Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành hạt kín?

A. Bèo tấm B. Nong tằm C. Rau bợ D. Rau sam

**Câu 5:** Nhóm động vật nào dưới đây không thuộc ngành động vật có xương sống?

A. Bò sát B. Lưỡng cư C. Chân khớp D. Thú

**Câu 6:**Động vật nào có hại với con người

A. Mèo B. Chuột C. Chó D. Bò

**Câu 7:** Lợi ích của đa dạng sinh học động vật ở Việt Nam là gì

A. Có giá trị trong văn hóa

B. Cung cấp sản phẩm cho công nghiệp

C. Cung cấp thực phẩm, sức kéo, dược liệu

D. Tất cả các lợi ích trên

**Câu 8:**Nhóm nào dưới đây bao gồm những cây không sống trên cạn?

A. Sen, súng, nong tằm, rong đuôi chồn

B. Mít, cam, phong lan, tầm gửi

C. Mía, rau lang, lim, xà cừ

D. Mồng tơi, lúa, bưởi, xoài

**Câu 9:**Khi chạm tay vào lá cây nào dưới đây, chúng sẽ từ từ khép lại ?

A. Cây trinh nữB. Cây cà phêC. Cây khoai langD. Cây lạc

**Câu 10:** Trong các nguyên nhân sau, đâu là nguyên nhân chính dẫn đến sự diệt vong của nhiều loài động thực vật hiện nay?

A. Do các loại thiên tai xảy ra

B. Do các hoạt động của con người.

C. Do khả năng thích nghi của sinh vật bị suy giảm dần.

D. Do các loại dịch bệnh bất thường.

**Câu 11:** Quan sát hình dưới đây và cho biết, vận động viên đã tác dụng lực gì vào quả tạ?



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Lực nén. | B. Lực đẩy. | C. Lực kéo. | D. Lực uốn. |

**Câu 12:** Để đo lực người ta sử dụng dụng cụ nào?

A. Lực kếB. Nhiệt kếC. Tốc kếD. Đồng hồ

**Câu 13:**Phát biểu nào sau đây là phát biểu không đúng về đặc điểm của lực hấp dẫn?

A. Lực hút của Trái Đất có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

B. Điểm đặt của trọng lực là trọng tâm của vật.

C. Trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

D. Trọng lượng tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật.

**Câu 14:**Trường hợp nào xuất hiện lực cản?

A. Tàu ngầm dưới đáy biển B. Người bơi trong nước

C. Cá bơi trong nước D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 15:**Trường hợp nào sau đây không có lực cản?

A. Con chim bay trên bầu trời

B. Cuốn sách nằm trên bàn

C. Thợ lặn lặn xuống biển

D. Con cá bơi dưới nước

**Câu 16:** Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của không khí nhỏ nhất?

A. Người đạp xe giữ lưng thẳng khi đi.

B. Người đạp xe cúi gập người xuống khi đi.

C. Người đạp xe khum lưng khi đi.

D. Người đạp xe nghiêng người sang phải khi đi.

**Câu 17:**Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của không khí?

A. Chiếc thuyền đang chuyển động.

B. Bạn Mai đang đi bộ trên bãi biển.

C. Con cá đang bơi.

D. Mẹ em đang rửa rau.

**Câu 18:** Dạng năng lượng nào cần thiết để đá tan thành nước?

A. Năng lượng ánh sáng. B. Năng lượng nhiệt.

C. Năng lượng âm thanh. D. Năng lượng hoá học.

**Câu 19:**Trong quá trình đóng đinh, đinh lún sâu vào gỗ là nhờ năng lượng nào?

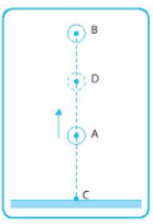
A. Năng lượng của đinh. B. Năng lượng của gỗ.

C. Năng lượng của búa. D. Năng lượng của tay người.

**Câu 20:** Gọi tên dạng năng lượng chính được sử dụng khi đọc sách ở sân trường?

A. Động năng.                              B. Điện năng. C. Quang năng. D. Hoá năng.

**Câu 21:** Từ điểm A một vật được ném lên theo phương thẳng đứng. Vật lên đến vị trí B cao nhất rồi rơi xuống điểm C trên mặt đất. Gọi D là điểm bất kì trên đoạn AB. Chọn phát biểu đúng.



A. Động năng của vật tại A là lớn nhất.

B. Thế năng của vật tại B là lớn nhất.

C. Động năng của vật tại D là lớn nhất.

D. Thế năng của vật tại C là lớn nhất.

**Câu 22:**Phát biểu nào sau đây là đúng vê sự chuyển hóa năng lượng trong các dụng cụ sau?

A. Quạt điện: điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng.

B. Nồi cơm điện: điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng và quang năng.

C. Đèn LED: quang năng biến đổi thành nhiệt năng

D. Máy bơm nước: động năng biến đổi thành điện năng và nhiệt năng

**Câu 23:** Khi dùng bàn là để làm phẳng quần áo, thì năng lượng điện chủ yếu chuyển hoá thành:

A. Năng lượng hoá học  
B. Năng lượng nhiệt  
C. Năng lượng ánh sáng  
D. Năng lượng âm thanh

**Câu 24:**Những nguồn năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo:

A. Than, xăng

B. Mặt Trời, khí tự nhiên.

C. Mặt Trời, gió.

D. Dầu mỏ, khí tự nhiên.

**Câu 25:** Ta nhìn thấy Mặt Trăng vì:

A. Mặt Trăng tự phát ra ánh sáng chiếu vào mắt ta.

B. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời chiếu vào mắt ta.

C. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Trái Đất chiếu vào mắt ta.

D. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng từ các thiên thể chiếu vào mắt ta.

**Câu 26:** Ánh sáng từ Mặt Trăng mà ta nhìn thấy được có từ đâu?

A. Mặt Trăng tự phát ra ánh sáng.

B. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Thiên Hà.

C. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Ngân Hà.

D. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời.

**Câu 27:** Trong hệ Mặt Trời bao gồm:

A. Mặt Trời.

B. 8 hành tinh và các vệ tinh của chúng.

C. Các tiểu hành tinh, sao chổi và các khối bụi thiên thạch.

D. Cả 3 phương án trên.

**Câu 28:** Hành tinh nào sau đây không nằm trong hệ Mặt Trời?

A. Thiên Vương tinh. B. Hải Vương tinh.

C. Diêm Vương tinh.D. Thổ tinh.

**II. PHẦN TỰ LUẬN *(3 điểm)***

**Câu 29 ( 1 điểm)**

Tại sao yên xe đạp đua (Hình 45.1) thường cao hơn ghi – đông?



**Câu 30:** **( 1điểm)**

**a. (0,5 điểm):** Theo em nên sử dụng khí gas/xăng trong sinh hoạt gia đình (để đun nấu, nhiên liệu chạy xe máy, ô tô,...) như thế nào để an toàn, tiết kiệm?

**b) (0,5 điểm):** Bằng cách nào xử sự cố cháy nổ do khí ga tại gia đinh mình.

**Câu 31 ( 1 điểm)**

Ngư dân nước ta, khi đi biển, do thất lạc la bàn, làm thế nào xác định được hướng đi cho tàu vào ban đêm?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**…..  TRƯỜNG THCS…………  ***(Đề kiểm tra gồm có ….. trang)*** | **HDC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (GIỮA KÌ HOẶC CUỐI KÌ)**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN – LỚP …..** |

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **ĐA** | A | D | D | C | C | B | D |
| **Câu hỏi** | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **ĐA** | A | A | B | B | A | D | D |
| **Câu hỏi** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| **ĐA** | B | B | B | B | D | C | B |
| **Câu hỏi** | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **ĐA** | B | B | C | B | D | D | C |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 29**  **1đ** | Yên xe đạp đua (Hình 45.1) thường cao hơn ghi – đông. Vì:  - Khi đi xe có lực cản của không khí, của gió.  - Vận động viên có thể cúi người xuống để làm giảm diện tích cơ thể tiếp xúc với gió, nhờ đó làm giảm được lực cản của không khí. | 0,5đ  0,5đ |
| **Câu 30**  **1đ** | a. Nguyên tắc sử dụng nhiên liệu an toàn là nắm vững tính chất đặc trưng của từng nhiên liệu. Dùng đủ, đúng cách là cách để tiết kiệm nhiên liệu  b. Khi nhận thấy mùi khí gas bất thường, nếu đang nấu nhanh chóng tắt bếp, khóa van bình ga và nhanh chóng mở hết cửa cho thông thoáng để lượng khí gas thoát ra ngoài,  **-**Dùng quạt tay, bìa carton quạt theo phương ngang để hỗ trợ đẩy nhanh khí gas thoát ra ngoài, không quạt theo phương đứng có thể khiến khí gas bay lên và bạn sẽ hít phải | 0,5đ  0,5đ |
| **Câu 31**  **1đ** | Ngư dân nước ta, khi đi biển, do thất lạc la bàn, xác định được hướng đi cho tàu vào ban đêm, bằng cách:  - Nhìn trên bầu trời tìm vị trí sao Bắc Đẩu.  - Nhìn về sao Bắc Đẩu, giang 2 tay, tay phải là hướng Đông, tay trái là hướng Tây, sau lưng là hướng Nam. | 0,5đ  0,5đ |